TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **75**/2024/DS-ST
Ngày: 15-7-2024.
(V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng).

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Toàn
2. Ông Nguyễn Trung Lưu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Giang Ngọc Hà, Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2024/TLST-DS, ngày 24 tháng 4 năm 2024, về việc: "*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 318/2024/QĐXXST-DS ngày: 14/6/2024 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 443/2024/QĐST-DS ngày: 28/6/2024 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ trụ sở: số B, đường C, phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch F - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đắc G - Chức vụ: Giám đốc (Theo Quyết định ủy quyền số 3524/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023).

Ông G ủy quyền lại cho bà Phan Thị Bạch H - Chức vụ: Phó Giám đốc (Theo Quyết định ủy quyền số: 64/2024/GUQ-CNBT ngày 22/01/2024) và ông Nguyễn Thái Hoàng, Giấy ủy quyền số 74/2024/GUQ-CNBT, ngày 22/01/2024).

Trụ sở Chi nhánh: số 364, đường Trần G Đạo, phường Đức Thắng, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1995

Địa chỉ: khu phố 4, phường Bình G, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Thái Hoàng trình bày: Ngân hàng A (Gọi tắt là Ngân hàng), có ký Hợp

đồng cho bà Nguyễn Thị H vay cụ thể theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) đối với số thẻ 472074 - 3473 và 211251 - 5851.

Ngày 01/8/2022, bà Nguyễn Thị H có ký với Ngân hàng A - Chi nhánh Bình Thuận Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng theo các nội dung như sau: Hạn mức sử dụng thẻ: 50.000.000 đồng đồng; Mục đích: Tiêu dùng; Lãi suất: 2,6%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị H đã giao dịch với tổng số tiền là 42.020.000 đồng, phí và lãi phát sinh là 29.148.092 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà H đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 10.221.919 đồng (chi tiết theo bảng sao kê đính kèm), dự nợ tính đến ngày 15/7/2024 là 25.456.932 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 21 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (dựa trên hạn mức thẻ tín dụng được cấp số thẻ 211251 - 5851) của Ngân hàng. Ngoài ra, bà H còn khoản vay tiêu dùng thẻ là 13.000.000 đồng dư nợ của khoản vay này là 10.330.878 đồng, bà H đã trả được 7.742.389 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nG bà H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngày 10/5/2023, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu 47.522.825 đồng sang nợ quá hạn và dư nợ này chịu lãi suất quá hạn 4,149%/tháng (= 2,766%/tháng x 150%) (Điều 24 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi phát sinh từ ngày 10/5/2023 đến ngày 15/7/2024 là: 25.456.932 đồng, như vậy, tính đến ngày 15/7/2024, bà Nguyễn Thị H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 72.979.757 đồng, trong đó nợ gốc 47.522.825 đồng, nợ lãi (quá hạn) 25.456.932 đồng.

Mặc dù, Ngân hàng đã yêu cầu bà Nguyễn Thị H trả nợ tuy nhiên bà H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng A đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết tuyên buộc: bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng A tổng số tiền tạm tính đến ngày 15/7/2024 là 72.979.575 đồng, trong đó nợ gốc 47.522.825 đồng, nợ lãi 25.456.932 đồng (đều là Lãi quá hạn).

Bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 16/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất qui định tại Hợp đồng.

Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H: vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án không lý do, Tòa án tống đạt, niêm yết các văn bản theo quy định của pháp luật nG không ghi nhận được ý kiến trình bày của bà H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát có ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015. Thời hạn gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu đúng theo quy định tại Điều 220 BLTTDS năm 2015, việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng các quy định của BLTTDS năm 2015.

- Về nội dung: Viện kiểm sát thấy rằng tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện đầy đủ nên căn cứ vào các Điều 70, 71, 91, Điều 147, Điều 227, Điều 233, Điều 235 BLTTDS 2015; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 BLDS 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn:

Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền gốc, lãi, phí, chi phí tố tụng khác theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) đối với số thẻ 472074 - 3473 và 211251 - 5851, ký ngày 01/8/2022; đồng thời bà Nguyễn Thị H phải tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh theo Hợp đồng nêu trên từ ngày 16/7/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng A. Ngoài ra Bị đơn còn phải chịu án phí và các chi phí tố tụng khác.

Vụ án đã được Tòa án hòa giải nG không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu:

Đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng, tại thời điểm ký kết hợp đồng bị đơn bà Nguyễn Thị H có địa chỉ tại khu phố 4, phường Bình G, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Về thời hiệu khởi kiện: theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, bà Nguyễn Thị H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 10/5/2023 nên vụ án vẫn còn thời hiệu.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngân hàng A yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền gốc, lãi, phí, nghĩa vụ tài chính khác theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và

sử dụng thẻ tín dụng) đối với số thẻ 472074-3473 và 211251 - 5851, do bà H ký với Ngân hàng ngày 01/8/2022. Tạm tính đến ngày 15/7/2024 là 72.979.575 đồng, trong đó nợ gốc 47.522.825 đồng, nợ lãi 25.456.932 đồng (đều là Lãi quá hạn) và lãi phát sinh theo thỏa thuận của các hợp đồng kể từ ngày 16/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ, ngoài ra bà H còn phải chịu án phí và các chi phí tố tụng khác.

Xét yêu cầu trên HĐXX nhận thấy: giữa Ngân hàng A và bà Nguyễn Thị H có ký kết Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) đối với số thẻ 472074 - 3473 và 211251- 5851, ký ngày 01/8/2022; Hạn mức sử dụng thẻ: 50.000.000 đồng; Mục đích: Tiêu dùng; Lãi suất: 2,6%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Nguyễn Thị H đã giao dịch với tổng số tiền là 42.020.000 đồng, phí và lãi phát sinh là 29.148.092 đồng. Ngoài ra, bà H còn khoản vay tiêu dùng thẻ là 13.000.000 đồng dư nợ của khoản vay này là 10.330.878 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà H đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền của hai khoản vay là 17.694.308 đồng, dư nợ tính đến ngày 15/7/2024 là 72.979.575 đồng. Hiện khoản vay đã quá hạn từ ngày 10/5/2023.

Các bên ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận bởi những người có đủ thẩm quyền. Về hình thức, nội dung của hợp đồng cũng không vi phạm điều cấm, không trái với các quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên hợp đồng tín dụng này là hợp pháp. Do vậy, sau khi ký thì các bên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ nên buộc các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình giải ngân số tiền cho vay, bà Nguyễn Thị H đã nhận đủ số tiền vay của hợp đồng thẻ tín dụng là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, ký ngày 01/8/2022.

Tuy nhiên, sau đó bà H không thực hiện việc trả nợ đúng hạn, làm phát sinh nợ quá hạn như vậy đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng vay nợ. Tạm tính đến ngày 15/7/2024 là 72.979.575 đồng, trong đó nợ gốc 47.522.825 đồng, nợ lãi 25.456.932 đồng (đều là Lãi quá hạn).

Ngân hàng đã nhiều lần gọi điện thông báo, gửi Thông báo nợ nhằm xử lý khoản nợ quá hạn nG bà H thường xuyên không thực hiện theo cam kết trả nợ cho Ngân hàng. Như vậy chứng tỏ phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện đúng các nội dung đã ký kết trong hợp đồng việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ là phù hợp.

Về tiền lãi: Do Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 01/8/2022 bà Nguyễn Thị H đã ký với Ngân hàng A phù hợp với các quy định của pháp luật nên các bên phải tuân thủ đúng nội dung của hợp đồng. Phía bị đơn phải trả tiền lãi như các hợp đồng đã ký kết. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng nợ lãi 25.456.932 đồng (đều là Lãi quá hạn) và lãi phát sinh kể từ ngày 16/7/2024 theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

Khoản vay này bà H không có tài sản thế chấp.

Từ những nhận định trên, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố Phan Thiết là phù hợp.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng và án phí Dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào: Điều 5, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 233, Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Luật Thi hành án Dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng A tổng số tiền nợ tính đến ngày 15/7/2024 là: 72.979.575 đồng, trong đó nợ gốc 47.522.825 đồng, nợ lãi 25.456.932 đồng (đều là Lãi quá hạn).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (16/7/2024) bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục thực hiện trả toàn bộ số tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ và các khoản phí, lệ phí theo quy định đã ký kết của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) đối với số thẻ 472074-3473 và 211251- 5851

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Do yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn Ngân hàng A không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị H phải chịu 3.649.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Ngày 23/4/2024 nguyên đơn đã nộp 1.644.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001620 do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết thu nay được hoàn trả cho Ngân hàng A.

Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, đối với nguyên đơn kể từ ngày tuyên án (15/7/2024), đối với bị đơn kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân TP Phan Thiết
- CC. Thi hành án dân sự TP Phan Thiết
- Lưu

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Nguyễn Thị Bích Ngọc